

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2023

V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Ông Nguyễn Thị Anh Quế

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NĐ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 102/2023/QĐ-ST ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T; sinh năm 1998; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đông An, xã Tự Tân, huyện VT, tỉnh TB; cư trú tại: Thôn Đông An, xã Tự Tân, huyện VT, tỉnh TB.

- **Bị đơn:** Anh Chu Văn T; sinh năm 1996; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Hồng Phong 2, xã Mỹ Tân, huyện ML, tỉnh NĐ; hiện đang cư trú tại Đài Loan.

Tại phiên tòa: Chị T và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Chu Văn T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, huyện ML, tỉnh NĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, dường như anh T đã thay đổi hoàn toàn không còn thương

yêu vợ, đỉnh điểm từ ngày 01-7-2021 khi chị mang thai được 7 tháng thì vợ chồng cãi vã, xảy ra xô xát; đến ngày 28-9-2022 anh T sang Đài Loan lao động xuất khẩu, vợ chồng ít liên lạc với nhau, cuộc sống không hạnh phúc, do xa cách nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh ND giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Chu Gia Hưng, sinh ngày 24-9-2021. Vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Chu Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T thông qua bà Nguyễn Thị Thuý và ông Chu Văn Dưỡng (là bố, mẹ đẻ của anh T) và yêu cầu ông Dưỡng, bà Thuý thông báo cho anh T các văn bản nêu trên của Tòa án, đồng thời yêu cầu anh T trình bày quan điểm bằng văn bản về việc chị T xin ly hôn và cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T, tại Đài Loan gửi về cho Tòa án tỉnh ND, nhưng anh T không có văn bản trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Toà án tiến hành giao các văn bản tố tụng gồm: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa cho anh T thông qua bà Nguyễn Thị Thuý nhưng bà Thuý không nhận vì vậy Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản trên theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản làm việc ngày 13-4-2023 và ngày 25-5-2023 ông Dưỡng, bà Thuý là bố, mẹ đẻ của anh Chu Văn T trình bày: Anh Chu Văn T là con đẻ của ông bà. Anh T đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan từ tháng 9 năm 2022, ông Dưỡng và bà Thuý vẫn liên lạc với anh T qua mạng xã hội và điện thoại, nhưng ông, bà không biết địa chỉ cụ thể nơi ở, nơi làm việc của anh T. Trước khi, anh T đi Đài Loan đã kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim T vào năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Tân, huyện ML, tỉnh ND. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Chu Gia Hưng, sinh ngày 24-9-2021 đang ở cùng với chị T.

Ông Dưỡng, bà Thuý đã nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và đã thông báo cho anh T về việc chị T xin ly hôn và cũng thông báo cho anh T viết quan điểm trình bày về việc chị T xin ly hôn gửi về Tòa án tỉnh ND, nhưng anh T có nói vì lý do công việc bận nên không thể về Việt Nam giải quyết việc ly hôn được, đồng thời anh T có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị T, trường hợp chị T vẫn muốn ly hôn thì anh T cũng nhất trí và đồng ý giao con chung là Chu Gia Hưng, sinh ngày 24-9-2021 cho chị T nuôi dưỡng, trong thời gian anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, khi nào anh T về Việt Nam thì anh T sẽ ý

kiến về việc nuôi con chung sau; anh T yêu cầu chị T không được ngăn cản việc ông Dưỡng, bà Thuý thăm nom, chăm sóc con chung Chu Gia Hưng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tỉnh ND phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bị đơn là anh T tại Đài Loan, thông qua thân nhân xác định anh T vẫn liên lạc với gia đình tại Việt Nam nhưng gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng thông qua thân nhân của anh T và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Văn T. Về con chung: Giao con chung là Chu Gia Hưng, sinh ngày 24-9-2021 cho chị T nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết. Án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn anh Chu Văn T hiện đang cư trú tại Đài Loan, nhưng chị T không cung cấp được địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh T. Thông qua thân nhân là ông Chu Văn Dưỡng và bà Nguyễn Thị Thuý (bố, mẹ đẻ anh T) xác định anh T vẫn liên lạc với gia đình bằng điện thoại và qua mạng xã hội, nhưng ông Dưỡng, bà Thuý không cung cấp được địa chỉ nơi ở, nơi làm việc của anh T tại Đài Loan. Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án cho anh T thông qua ông Dưỡng, bà Thuý và yêu cầu ông Dưỡng, bà Thuý thông báo cho anh T viết quan điểm về việc chị T xin ly hôn gửi về cho Tòa án, nhưng anh T không hợp tác.

Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do vậy, Tòa án tiếp tục tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T thông qua ông Dưỡng, bà Thuý là bố, mẹ đẻ bao gồm: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa để bà ông Dưỡng, bà Thuý thông báo cho anh T. Tính đến ngày mở phiên tòa xét xử lần thứ hai vào ngày 17 tháng 7 năm 2023 anh T đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày

việc chị T xin ly hôn cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, huyện ML, tỉnh ND vào ngày 23 tháng 02 năm 2021 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó anh T đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan đến nay chưa về Việt Nam; do xa cách, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn và không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử ly hôn giữa chị T và anh T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung là Chu Gia Hưng, sinh ngày 24-9-2021 hiện nay cháu Hưng đang ở với chị T. Vợ chồng ly hôn, chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay chị T đang nuôi dưỡng cháu Hưng, còn anh T đang cư trú tại Đài Loan nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; do chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim T và anh Chu Văn T.

Về con chung: Giao con chung Chu Gia Hưng, sinh ngày 24-9-2021 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hưng trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006826 ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh ND. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- Cục THADS tỉnh ND;
- UBND xã Mỹ Tân, huyện ML;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu

